

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày: 22/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH G

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nay Pn – Cán bộ hưu trí huyện P, tỉnh G.

Bà Võ Thị Thu Thủy – Hiệu trưởng Trường Dân tộc nội trú huyện P, tỉnh G.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Siu Đ**, sinh ngày 12/9/1999 (tên gọi khác: không) tại huyện PT, tỉnh G; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn PT, huyện PT, G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Ja Rai; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông V (đã chết) và bà Br; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án: 01 tiền án là ngày 16/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh G xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 28/2020/HSST; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 14/3/2024 sau đó tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P cho đến nay, có mặt.

2. **Kpă P**, sinh ngày 15/3/2000 (tên gọi khác: không) tại huyện PT, tỉnh G; nơi cư trú: Thôn Plei Rbai, xã Ia Piar, huyện PT, G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Ja Rai; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L, sinh năm 1972 và bà Kpă T, sinh năm 1978; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Theo Bản án số 03/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện PT xử phạt 06 tháng tù về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, ngày 13/6/2019 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo là người dưới 18 tuổi khi bị kết án về tội ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích. Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 14/3/2024 sau đó tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P cho đến nay, có mặt.

3. **Siu J**, sinh ngày 25/3/2005 (tên gọi khác: không) tại huyện PT, tỉnh G; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn PT, huyện PT, G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Ja Rai; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông G, sinh năm 1983 và bà Siu H'M, sinh năm 1982; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 14/3/2024 sau đó tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:*

+ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện P, tỉnh G. Có mặt.

+ Anh Rơ B, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn MN, xã A, huyện PT, tỉnh G. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Rơ Ô D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Kte Nhỏ, xã Ia Yeng, huyện PT, tỉnh G. Vắng mặt.

+ Chị Siu Mi, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh G. Vắng mặt.

+ Chị Cù Thị Thanh T2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh G. Vắng mặt.

+ Anh Trần Văn Th, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh G. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh G. Vắng mặt.

+ Anh Ksor Kh, sinh năm 1999; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh G. Vắng mặt.

+ Anh Hà Văn D, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn T1, xã P1, huyện PT, tỉnh G. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện P, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Ksor T, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn MN, xã A, huyện PT, tỉnh G. Có mặt.

+ Anh Ksor Xơ L, sinh năm 2008; nơi cư trú: Thôn MN, xã A, huyện PT, tỉnh G. Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Ksor Xơ Lam: Ông Rơ B, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn MN, xã A, huyện PT, tỉnh G. Có mặt.

+ Chị Rmah H'A, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn Vòng Boong, xã C, huyện P, tỉnh G. Vắng mặt.

+ Anh Rmah T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Plei Pông, xã A, huyện PT, tỉnh G. Có mặt.

+ Chị Ksor H'Chren, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Plei Pông, xã Chư A Thai, huyện PT. Có mặt.

+ *Người phiên dịch tiếng Jrai*: Chị Ksor H'Bloan, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Đăk Chă, xã Ia Mron, huyện P, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/3/2024, Siu Đ mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150 màu xanh (chưa có biển số) của vợ chồng anh Rơ Ô D và chị Siu Mi. Đ rủ Kpă P và Siu J đi đến thôn Vòng Boong, xã C, huyện P chơi với bạn của Đ thì P và J đồng ý cùng đi. Sau đó Đ, P và J cùng đi bằng xe mô tô đã mượn đến nhà bạn của Đ là Rmah H'ANin để chơi, đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày thì tất cả đi về. Lúc này, P điều khiển xe mô tô chở Đ và J đi theo hướng từ xã C về xã Kim Tân trên đường Trường Sơn Đông, khi đi đến khu vực đầu đường rẽ vào thôn D, xã C, huyện P thì Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên Đ nói với P và J “*đi vào đây để kiểm xe lấy trộm*” thì P và J đồng ý và cùng đi vào đường bê tông thôn D, xã C, huyện P. Khi đi đến tiệm tạp hóa của anh Nguyễn Văn M thấy một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu xanh đen, biển kiểm soát 81D1 – 243.86 dựng trước quán không có người trông coi nên P và Đ nói với J “*vào lấy trộm xe mô tô đi*” thì J xuống xe đi bộ vào tiếp cận xe mô tô trên, còn P và Đ điều khiển xe mô tô đi lên phía trước để quan sát cảnh giới cho J. Sau đó, J đến gần xe mô tô biển kiểm soát 81D1 – 243.86 thấy xe có cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa điện nên đã khởi động rồi điều khiển xe chạy hướng ra đường Trường Sơn Đông đi về hướng Trung T2 hành chính huyện P, còn P và Đ điều khiển xe mô tô đi theo sau. Khi đến trước cổng Trường trung học cơ sở Phan Đình Phùng (thuộc xã C, huyện P) thì P nói J dừng lại đưa xe vừa trộm được cho P điều khiển thì J đồng ý, còn J sang ngồi sau xe do Đ điều khiển. Sau đó, cả ba người đi về hướng huyện PT, tỉnh G. Khi đến khu vực rẫy mía thuộc xã Ia Sol, huyện PT thì dừng xe, các đối tượng mở cốp xe mô tô vừa trộm được thì thấy trong cốp xe có 01 Ví (bóp) màu đen bên trong không có tiền, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81D1-243.86 mang tên Nguyễn Thị N, 01 Thẻ đảng viên, 01 Giấy chứng N nhân dân, 01 Căn cước công dân và 01 Giấy phép lái xe, mang tên Nguyễn Văn M. Lúc này, Đ cầm giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 81D1- 243.86 mục đích là để sử dụng đi cầm cố xe mô tô trộm cắp, những giấy tờ còn lại Đ nói P và J cầm vứt đi. Sau đó P cầm vứt xuống lề đường. Tiếp đó, cả nhóm đi đến khu vực Cầu 42 thuộc địa phận xã S, huyện P thì P điều khiển xe máy vượt qua xe Đ, P điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi vào tiệm Cầm đồ 39 của chị Cù Thị Thanh T2 và anh Trần Văn Thanh tại tổ dân phố 8, thị trấn PT, huyện PT thì P và J làm thủ tục cầm cố xe mô tô cho chị T2 lấy 10.000.000 đồng. Sau đó, Đ, P và J đi ra đường Quốc lộ 25 thống nhất chia tiền mỗi người 2.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng để sử dụng mua đồ ăn nhậu chung với nhau. Sau đó P, Đ và J cùng nhau đi ăn nhậu, rồi J về nhà trước, còn P và Đ đến ngủ tại nhà anh Ksor Khương tại tổ dân phố 7, thị trấn PT, huyện PT. Đến ngày 14/3/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện P đã triệu tập Siu Đ, Kpă P và Siu J để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Đ, P và J đã khai

nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Văn M vào ngày 11/3/2024 như đã nêu trên.

Quá trình điều tra xác định Siu Đ và Kpă P còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau: Sáng ngày 12/3/2024, Siu Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150 màu xanh (chưa có biển số) của vợ chồng anh Rơ Ô D chở Kpă P đi vào nhà chị Rmah H'ANin tại thôn Vòng Boong, xã C, huyện P để ăn nhậu. Khoảng 23 giờ cùng ngày, P và Đ đi về theo đi đường Tỉnh lộ 666 hướng từ xã Pờ Tó, huyện P đi xã Chư A Thai, huyện PT, trên đường đi Đ rủ P tìm xe mô tô để lấy trộm thì P đồng ý, P điều khiển xe mô tô đi vào đường bê tông trong thôn Plei Pông, xã Chư A Thai, huyện PT thì phát hiện nhà chị Ksor H'Chren có 01 (một) xe mô tô đang dựng ở dưới gầm nhà sàn, nhãn hiệu Sirius, màu trắng, biển kiểm soát 23M1-076.93 của anh Rơ B không có người trông coi nên Đ đi vào lấy trộm xe mô tô còn P đứng ngoài canh giới. Sau khi lấy được xe mô tô thì Đ điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được, còn P điều khiển xe mô tô Exciter đến nhà anh Ksor Khương tại Tổ dân phố 7, thị trấn PT để ngủ qua đêm. Đến sáng ngày 13/3/2024, do sợ bị phát hiện nên Đ và P đã tháo biển kiểm soát 23M1-076.93 cất giấu trong nhà anh Khương và mua sơn màu đen, sơn lại xe mô tô trên rồi sử dụng làm phương tiện đi lại đến ngày 14/3/2024 thì bị phát hiện bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 158/KL-HĐĐGTS ngày 20/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 01 xe mô tô biển số 81D1-243.86, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave RSX, màu sơn xanh đen, số khung: RLHJA3857NY111673, số máy: JA52E0377236, hai bánh xe vành đúc có phanh đĩa, trị giá 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 218/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 01 chiếc ví (bóp) da nam màu đen, kích thước diện (12x9,5)cm, không có nhãn hiệu, có trị giá 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Bản luận định giá số 06/KL-HĐĐG ngày 02/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 23M1-076.93, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, số khung: RLCS5C6107Y082566, số máy: 56C1-082566, trị giá 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, xử lý vật chứng:*

- Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 81D1-243.86, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn xanh đen, số khung: RLHJA3857NY111673, số máy: JA52E0377236; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81D1-243.86 đứng tên Nguyễn Thị N, do anh Trần Văn Th (chồng chị Cù Thị Thanh T2) chủ tiệm Cầm đồ 39 giao nộp. Tạm giữ 01 Căn cước Công dân, 01 Chứng N nhân dân, 01 Giấy phép lái xe và 01 Thẻ đảng viên, tất cả đều mang tên Nguyễn Văn M, tạm giữ trong quá trình truy tìm vật chứng. Quá trình điều tra xác định các tài sản và giấy tờ này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn M, xét thấy việc trả lại tài sản trên không làm ảnh hưởng đến việc

giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho anh Nguyễn Văn M.

- Tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đen, số khung: RLCS5C6107Y082566, số máy: 56C1-082566 do Siu Đ giao nộp; 01 (một) biển kiểm soát 23M1-07693 do anh Ksor Khương giao nộp. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Rơ B, xét thấy việc trả lại tài sản trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho anh Rơ B.

- Đối với 01 chiếc ví da nam màu đen, kích thước diện (12x9,5)cm, không có nhãn hiệu của anh Nguyễn Văn M, sau khi trộm cắp được bị cáo Siu J cầm đi đến đoạn đường gần cầu qua sông Yun, thuộc xã Ia Sol, huyện PT thì J đã vứt trên đường đi. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị N và anh Rơ B đã nhận lại các tài sản cùng các giấy tờ bị trộm cắp và không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Chị Cù Thị Thanh T2 và anh Trần Văn Th yêu cầu các bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Đến nay các bị cáo Đ, P và J chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh G đã truy tố Siu Đ, Kpă P và Siu J về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Siu Đ mức án tù từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/3/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Kpă P mức án tù từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/3/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Siu J mức án tù từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/3/2024.

Về xử lý vật chứng: đã được xử lý nên không đề cập đến.

Về dân sự: Các bị hại anh Nguyễn Văn M và anh Rơ B đã nhận lại các tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến. Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho chị Cù Thị Thanh T2 và anh Trần Văn Th, chia phần bị cáo Đ và J mỗi bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo P bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thống nhất với cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện P cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các bị cáo ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Nguyễn Văn M không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 350.000 đồng là trị giá chiếc ví da bị mất. Tại phiên tòa, anh M và anh Rơ B không yêu cầu bồi thường và đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P về tội danh và mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Cù Thị Thanh T2 và anh Trần Văn Th yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường, theo phần như sau: bị cáo Siu Đ và Siu J mỗi bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng và bị cáo Kpă P bồi thường 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J xảy ra tại địa bàn huyện P và huyện PT, tỉnh G, Cơ quan điều tra Công an huyện P phát hiện tội phạm nên về thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng huyện P, tỉnh G. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan điều tra Công an huyện P, với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định: Trong ngày 11 và ngày 12/3/2024, các bị cáo đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện P và huyện PT, tỉnh G cụ thể như sau: Vào khoảng 16 giờ 23 phút ngày 11/3/2024, Kpă P, Siu Đ và Siu J đã cùng nhau trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 81D1-243.86 và 01 chiếc ví da của anh Nguyễn Văn M tại thôn D, xã C, huyện P trị giá 17.350.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ ngày 12/3/2024, Siu Đ và Kpă P đã cùng nhau trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 23M1-076.93 của anh Rơ B tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh G, trị giá 2.700.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây hậu quả xấu làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động, thích hưởng lợi bất chính trên Th quả lao động của người khác nên đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở Th công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn tại địa phương.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội một cách bộc phát, không có sự câu kết chặt chẽ. Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo thấy rằng: Siu Đ là người khởi xướng, rủ rê Kpă P và Siu J thực hiện tội phạm và cũng là người thực hành tích cực, tham gia thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản với tổng trị giá 20.050.000 đồng. Các bị cáo Kpă P và Siu J khi được Siu Đ rủ đi trộm cắp tài sản đã đồng ý ngay và tham gia tích cực với vai trò là người thực hành. Bị cáo Kpă P thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản với tổng trị giá 20.050.000 đồng. Bị cáo Siu J trực tiếp thực hiện 01 lần trộm cắp tài sản với trị giá là 17.350.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo sẽ phải nhận mức án phù hợp với vị trí, vai trò của mình.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Siu Đ tham gia thực hiện 02 lần trộm cắp, mỗi lần trị giá tài sản trộm cắp đều trên 2.000.000 đồng nên Siu Đ thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên. Ngoài ra, Siu Đ có 01 tiền án chưa được xóa án tích: Theo Bản án số 28/2020/HSST ngày 16/11/2020 của Toà án nhân dân huyện PT xử phạt phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 29/5/2022 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Kpă P tham gia thực hiện 02 lần trộm cắp, mỗi lần trị giá tài sản trộm cắp đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo P thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân: đã bị Toà án nhân dân huyện PT xử phạt 06 tháng tù theo Bản án số 03/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, ngày 13/6/2019 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo là người dưới 18 tuổi khi bị kết án về tội ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Bị cáo Siu J không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa đã Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với bị cáo Siu J phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo Th người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng trong vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an huyện P xử lý đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị N và anh Rơ Ô Bư đã nhận lại xe mô tô bị trộm cắp cùng các giấy tờ và không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc ví da trị giá 350.000 đồng, các bị cáo đã làm mất, anh M không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh M nên Hội đồng xét xử không buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền này cho anh M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Cù Thị Thanh T2 và anh Trần Văn Th yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mà các bị cáo đã cầm cố tài sản là 10.000.000 đồng. Yêu cầu này của chị T2 và anh Th là có căn cứ nên được chấp nhận. Số tiền này các bị cáo đã cùng chia nhau và tiêu xài cá nhân hết nên các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường. Các bị cáo đồng ý bồi thường cho chị T2 và anh Th, theo phần như sau: bị cáo Siu Đ và Siu J mỗi bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng và bị cáo Kpă P bồi thường 4.000.000 đồng.

[7] Đối với chị Cù Thị Thanh T2 và anh Trần Văn Th là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81D1-243.86, chị T2 và anh Th không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện P không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với anh Ksor Khương là người cho các bị cáo ngủ qua đêm tại nhà vào đêm ngày 11 và 12/3/2024 và các bị cáo đã cất giấu biển số xe 23M1-076.93 ở trong nhà anh Khương. Tuy nhiên, anh Khương không biết việc các bị cáo đã trộm cắp tài sản và cũng không biết các bị cáo cất giấu biển số xe nên Cơ quan điều tra Công an huyện P không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[9] Đối với anh Rơ Ô D và chị Siu Mi là người cho bị cáo Siu Đ mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter (không có biển số), các bị cáo đã điều khiển xe mô tô này để đi tìm và trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, anh D và chị Mi không biết

việc các bị cáo sử dụng chiếc xe của mình làm phương tiện để đi phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an huyện P không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với các giấy tờ: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81D1-243.86 mang tên Nguyễn Thị N; 01 Căn cước Công dân, 01 Chứng N nhân dân, 01 Giấy phép lái xe và 01 Thẻ đảng viên mang tên Nguyễn Văn M. Các giấy tờ này đã được trả lại cho anh M và chị N. Tại Bản kết luận định giá số 324/KL-HĐDGTS ngày 04/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P đã kết luận các giấy tờ này có “*chi phí làm lại*” tổng cộng là 255.000 đồng. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng xác định các giấy tờ này là tài sản các bị cáo trộm cắp cùng với xe mô tô nên đã tính số tiền 255.000 đồng vào tổng trị giá tài sản trộm cắp. Tuy nhiên, xét thấy đây là các giấy tờ tùy thân của anh M và chị N, không phải là giấy tờ có giá, không phải là tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xác định các giấy tờ này là tài sản trộm cắp nên không xác định số tiền “*chi phí làm lại*” 255.000 đồng là trị giá tài sản trộm cắp.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Siu Đ;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Kpă P;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Siu J;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 135, Điều 136 và Điều 260 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố các bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Siu Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 14/3/2024.

Xử phạt bị cáo Kpă P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 14/3/2024.

Xử phạt bị cáo Siu J 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 14/3/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J liên đới bồi thường cho chị Cù Thị Thanh T2 và anh Trần Văn Th số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), mức bồi thường theo phần như sau: bị cáo Siu Đ bồi thường 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bị cáo Siu J bồi thường 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và bị cáo Kpă P bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Siu Đ, Kpă P và Siu J phải nộp án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2024), các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Thị Thanh Nga